

# **Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 66

# Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2103000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27 tháng 3 năm 2002 và các điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 số 2300233993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30 tháng 1 năm 2015.

Công ty có các công ty con sau:

- ▶ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang;
- ▶ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng;
- ▶ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc; và
- ▶ Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị Trảng Cát.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, thuê mua nhà xưởng hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp, khu dân cư - đô thị, đầu tư tài chính và các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô B7, Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam và chi nhánh như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1.	Chi nhánh Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP tại Hồ Chí Minh	Số 20 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 153/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2009.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Huỳnh Phát	Thành viên
Ông Phạm Phúc Hiếu	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Chung Thủy	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Thu Hằng	Thành viên
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên

# Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Phúc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Bà Nguyễn Mỹ Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2015

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thành Tâm. Bà Nguyễn Thị Thu Hương đã được Ông Đặng Thành Tâm ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 2311/2012/KBC/UQ ngày 23 tháng 11 năm 2012.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 60774739/17684158-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Nguyễn Quốc Anh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2584-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>12.003.018.598.664</b>	<b>10.667.175.221.353</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>228.164.359.677</b>	<b>149.105.090.802</b>
111	1. Tiền		129.164.359.677	93.733.757.469
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.000.000.000	55.371.333.333
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>1.738.191.200</b>	<b>2.497.416.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.490.461.369	7.490.461.369
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(5.752.270.169)	(4.993.045.369)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.361.578.772.409</b>	<b>2.848.273.048.478</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	493.980.606.252	663.149.321.859
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.324.234.430.950	1.334.536.831.350
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	12.499.720.000	62.790.991.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.539.947.458.507	807.145.796.736
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(9.083.443.300)	(19.349.892.467)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>8.364.448.377.871</b>	<b>7.616.350.104.559</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.364.448.377.871	7.616.350.104.559
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>47.088.897.507</b>	<b>50.949.561.514</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		47.960.000	2.588.293.334
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.081.463.147	3.269.129.928
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	37.959.474.360	45.092.138.252



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.650.688.560.966</b>	<b>2.399.085.782.858</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>355.625.579.821</b>	<b>480.405.988.391</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	332.305.529.704	465.365.588.391
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	7	7.692.700.000	14.685.400.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	15.627.350.117	355.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>141.005.430.934</b>	<b>138.923.585.647</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	141.005.430.934	138.923.585.647
222	Nguyên giá		268.169.967.655	241.743.465.160
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(127.164.536.721)	(102.819.879.513)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		72.075.500	72.075.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.075.500)	(72.075.500)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>20.415.184.100</b>	<b>22.182.071.105</b>
231	1. Nguyên giá		27.405.394.467	27.405.394.467
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.990.210.367)	(5.223.323.362)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>234.900.661.548</b>	<b>236.668.373.001</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	234.900.661.548	236.668.373.001
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>892.602.719.246</b>	<b>1.517.791.599.580</b>
252	1. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	14.1	462.788.335.881	445.993.554.433
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	452.867.200.000	1.141.492.700.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(23.052.816.635)	(69.694.654.853)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.138.985.317</b>	<b>3.114.165.134</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.138.985.317	3.114.165.134
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>13.653.707.159.630</b>	<b>13.066.261.004.211</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.617.702.171.787</b>	<b>6.809.779.471.724</b>
<b>310</b>	<b>i. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.944.659.205.006</b>	<b>2.592.533.350.470</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	76.993.266.642	55.676.320.830
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	425.917.221.868	408.858.439.492
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	175.787.525.774	102.669.431.090
314	4. Phải trả người lao động		68.698.469	1.606.801.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.023.287.715.032	795.543.565.167
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.319.777.921	204.222.732.462
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.205.201.739.991	1.016.821.780.620
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.083.259.309	7.134.279.309
<b>330</b>	<b>ii. Nợ dài hạn</b>		<b>2.673.042.966.781</b>	<b>4.217.246.121.254</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	757.092.452.968	628.089.032.022
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.302.235.179	5.616.285.654
337	3. Phải trả dài hạn khác	18	59.272.399.555	62.070.305.020
338	4. Vay dài hạn	19	1.351.536.142.090	2.149.611.923.045
339	5. Trái phiếu chuyển đổi	20	-	886.050.000.000
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	498.887.769.027	484.856.607.551
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn		951.967.962	951.967.962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.036.004.987.843</b>	<b>6.256.481.532.486</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>8.036.004.987.843</b>	<b>6.256.481.532.486</b>
411	1. Vốn cổ phần	21.1	4.757.111.670.000	3.957.111.670.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		4.757.111.670.000	3.957.111.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	989.064.430.000	611.603.430.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(364.466.650.000)	(364.466.650.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	2.223.693.823	2.223.693.823
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	1.781.536.119.480	1.169.625.513.861
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		1.169.625.513.861	844.008.284.354
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		611.910.605.619	325.617.229.507
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	870.535.724.540	880.383.874.802
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>13.653.707.159.630</b>	<b>13.066.261.004.211</b>

Lưu Phương Mai  
Người lập

Phạm Phúc Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.434.851.916.992	1.069.035.499.895
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.434.851.916.992	1.069.035.499.895
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	861.405.092.161	481.366.165.270
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		573.446.824.831	587.669.334.625
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	317.123.475.612	143.894.837.330
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	41.370.870.831 89.987.678.791	292.150.961.413 251.673.017.974
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	14.1	9.590.181.448	(513.929.038)
25	9. Chi phí bán hàng	26	34.887.804.923	17.688.233.075
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	92.999.002.177	80.645.935.431
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		730.902.803.960	340.565.112.998
31	12. Thu nhập khác		1.328.307.512	797.669.217
32	13. Chi phí khác		2.255.982.547	90.689.835
40	14. Lợi nhuận khác		(927.675.035)	706.979.382
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		729.975.128.925	341.272.092.380

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	113.881.512.091	1.922.333.344
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	14.031.161.477	27.380.624.397
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		602.062.455.357	311.969.134.639
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		611.910.605.619	325.617.229.507
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(9.848.150.262)	(13.648.094.868)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.316	904
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	1.316	903

Lưu Phương Mai  
Người lập

Phạm Phúc Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>729.975.128.925</b>	<b>341.272.092.380</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	10,11	28.361.454.661	32.881.714.180
03	Các khoản dự phòng		(56.149.062.585)	(4.984.648.260)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23,2, 25	(583.508.308)	3.588.622.690
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(306.084.314.413)	(130.804.474.566)
06	Lỗ do giảm tỉ lệ sở hữu ở công ty con		-	35.333.255.565
06	Chi phí lãi vay	25	89.987.678.791	251.673.017.974
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>485.507.377.071</b>	<b>528.959.579.963</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		149.323.255.193	(136.799.809.642)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(509.888.330.440)	19.927.631.511
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(53.296.085.215)	361.034.537.926
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(484.486.851)	1.109.214.568
14	Tiền lãi vay đã trả		(142.033.020.514)	(265.143.438.037)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28,2	(7.694.466.484)	(3.239.921.072)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.020.000)	(5.655.945.606)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(78.616.777.240)</b>	<b>500.191.849.611</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(39.703.275.406)	(24.291.863.634)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	227.272.727
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.326.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		72.609.971.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(839.226.983.978)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		148.283.000.000	209.110.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.694.132.965	5.112.285.445
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>172.557.828.559</b>	<b>(649.069.289.440)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.081.991.327.696	900.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.096.864.972.234)	(705.109.371.518)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		<b>(14.873.644.538)</b>	<b>194.890.628.482</b>
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		79.067.406.781	46.013.188.653
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		149.105.090.802	103.092.930.135
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.137.906)	(1.027.986)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<b>228.164.359.677</b>	<b>149.105.090.802</b>

Lưu Phương Mai  
Người lập

Phạm Phúc Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2103000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27 tháng 3 năm 2002 và các điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 số 2300233993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30 tháng 1 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, thuê mua nhà xưởng hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp, khu dân cư - đô thị, đầu tư tài chính và các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp và khu đô thị cho đến thời điểm hoàn thiện và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô B7, Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam và chi nhánh như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1.	Chi nhánh Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP tại Hồ Chí Minh	Số 20 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 153/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 411 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 398).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	59,5	59,5	Khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	86,54	86,54	Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc	60,52	60,52	Áp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
4	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị Trảng Cát	100	100	Khu Bãi Triều, phường Trảng Cát, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng VND ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND ("VND").

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

**3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

**3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của các bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay được vốn hóa, chi phí tư vấn, thiết kế v.v và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng)	8 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	8 năm
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng	45 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí thuê trả trước được phân bổ cho thời hạn thuê trả trước; và
- ▶ Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi khi mua các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.16 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất*

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất được ghi nhận khi Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với lô đất cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

*Doanh thu bán nhà xưởng*

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với nhà xưởng cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

*Doanh thu cho thuê nhà xưởng*

Doanh thu từ tiền cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**3.19 Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê**

Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Toàn bộ các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng; và
- ▶ Các chi phí bắt buộc và chi phí chung khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất và cơ sở hạ tầng hiện tại và trong tương lai của dự án như cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng.

**3.20 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.20 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh bất động sản trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn giả định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh bất động sản và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

**3.22 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thối thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	42.255.128.629	7.736.091.541
Tiền gửi ngân hàng	86.909.231.048	85.997.665.928
Các khoản tương đương tiền (*)	99.000.000.000	55.371.333.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>228.164.359.677</b>	<b>149.105.090.802</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,2%/năm và có thời hạn 1 tháng.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:</b>		
Các khoản nợ được chuyển thành vốn chủ sở hữu	1.200.000.000.000	1.000.000.000.000
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	781.991.327.696	-
- tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	300.000.000.000	900.000.000.000
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	152.889.972.234	175.109.371.518
- tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	943.975.000.000	530.000.000.000

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Chứng khoán kinh doanh:						
Cổ phiếu (*)	7.490.461.369	1.738.191.200	(5.752.270.169)	7.490.461.369	2.497.416.000	(4.993.045.369)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.490.461.369</b>	<b>1.738.191.200</b>	<b>(5.752.270.169)</b>	<b>7.490.461.369</b>	<b>2.497.416.000</b>	<b>(4.993.045.369)</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 312.177 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn (i)	104.130.000.000	104.130.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (ii)	96.913.466.665	104.352.647.918
- Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Hải Việt Nam (iii)	55.836.450.000	-
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng (iii)	50.705.322.986	304.291.678.680
- Công ty TNHH Heasung Electronics Việt Nam (iii)	23.271.469.200	-
- Công ty TNHH Heesung Electronics Vietnam (iii)	47.942.393.094	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác (iii)	115.181.504.307	150.374.995.261
Phải thu các bên liên quan	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>493.980.606.252</b>	<b>663.149.321.859</b>

Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (ii)	332.305.529.704	461.757.137.391
- Công ty Cổ phần Bột thực phẩm Tài Kỳ	-	3.608.451.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>332.305.529.704</b>	<b>465.365.588.391</b>

- (i) Đây là khoản phải thu về chuyển nhượng đất thuộc Dự án Khu đô thị Phúc Ninh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn;
- (ii) Đây là các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc liên quan đến doanh thu cho thuê đất có cơ sở hạ tầng và bán nhà xưởng tại các khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, khu công nghiệp Trảng Duệ và khu công nghiệp Quang Châu. Các khoản phải thu liên quan đến doanh thu cho thuê đất có cơ sở hạ tầng và bán nhà xưởng tại khu công nghiệp Quế Võ mở rộng có lãi suất trả chậm là 8%/năm; và
- (iii) Đây là các khoản phải thu từ các khách hàng khác thuê đất và cơ sở hạ tầng dài hạn tại các khu công nghiệp của Tập đoàn.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trả trước người bán		
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc (i)	1.114.372.843.381	1.130.088.304.645
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (ii)	117.302.270.000	117.302.270.000
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Cù Chi (iii)	23.975.623.424	24.353.697.733
- Công ty TNHH Foster and Partners (iv)	25.961.600.000	25.961.600.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính (v)	4.018.661.359	-
- HĐND UBND huyện An Dương	11.302.688.835	13.302.688.835
- Các khoản trả trước cho người bán khác	27.300.743.951	23.528.270.137
	<b>1.324.234.430.950</b>	<b>1.334.536.831.350</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG** (tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán**

- (i) Đây là các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc cho việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và thi công một số công trình trong các dự án đang triển khai của Tập đoàn.
- (ii) Đây là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc để thi công san lấp và xây dựng đường giao thông đô thị - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu đô thị Quang Châu – Việt Yên – Bắc Giang.
- (iii) Đây là khoản tạm ứng cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Cù Chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Dự án Tân Phú Trung.
- (iv) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Foster and Partners chi phí thiết kế quy hoạch dự án khách sạn Hoa Sen.
- (v) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính để thi công hầm chui tại dự án Trảng Cát.

**6.3 Dự phòng các khoản phải thu**

Chi tiết dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số dư đầu năm	19.349.892.467	16.996.721.233
Trích lập trong năm	328.550.833	2.353.171.234
Hoàn nhập trong năm	(3.390.400.000)	-
Giảm khác	(7.204.600.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.083.443.300</b>	<b>19.349.892.467</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi</i>	<i>8.583.443.300</i>	<i>8.254.892.467</i>
<i>Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Dự phòng phải thu khác khó đòi</i>	<i>-</i>	<i>10.595.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC VỀ CHO VAY**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn	500.000.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Tây Ninh (i)	300.000.000	300.000.000
- Phải thu các công ty khác	2.599.720.000	2.690.991.000
Phải thu cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.100.000.000	9.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.499.720.000</b>	<b>62.790.991.000</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	6.992.700.000	6.992.700.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (ii)	-	6.992.700.000
- Ban quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh (UBND thành phố Bắc Ninh)	700.000.000	700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.692.700.000</b>	<b>14.685.400.000</b>

- (i) Đây là khoản cho vay không lãi, không cần tài sản đảm bảo và có thời gian đáo hạn dưới một năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay không lãi, không cần tài sản đảm bảo và sẽ đáo hạn vào tháng 6 năm 2017.

Kính gửi Ban Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn (i)	583.000.000.000	-	583.000.000.000	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần (ii)	672.730.000.000	-	-	-
Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc (iii)	151.146.558.152	-	-	-
Phải thu lãi trả chậm	-	-	16.385.571.712	-
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	32.022.174.517	-	33.481.584.605	-
Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh (v)	19.440.000.000	-	19.440.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc (vi)	12.851.128.404	-	12.851.128.404	-
Phải thu Ủy ban Nhân dân Xã Văn Dương	2.228.672.000	-	2.228.672.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Kum-ba (vii)	43.875.296.000	-	43.875.296.000	-
Phải thu Triệu Thị Duyên	-	-	68.800.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	17.918.475.834	-	12.813.369.445	-
Phải thu khác (viii)	4.735.153.600	-	14.270.174.570	10.595.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.539.947.458.507</b>	<b>-</b>	<b>807.145.796.736</b>	<b>10.595.000.000</b>
<b>Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (iv)	15.418.350.117	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	209.000.000	-	355.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.627.350.117</b>	<b>-</b>	<b>355.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Đây là khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần của KCN Lê Minh Xuân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các thủ tục về chuyển nhượng cổ phần này vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng 48,3 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn Bình Định cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc theo hợp đồng ký ngày 22 tháng 6 năm 2015 và ngày 15 tháng 12 năm 2015.
- (iii) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 1 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Thủy điện SGI-Lào quyết định giải thể và hoàn vốn cho công ty với số tiền là 185.586.558.152 VND. Tuy nhiên, khoản công nợ phải thu này đã được chuyển cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc theo biên bản cần trừ công nợ ba bên ngày 3 tháng 7 năm 2015. Trong năm 2016, Công ty đã thu được bảy mươi tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc.
- (iv) Bao gồm khoản phải thu lãi trả chậm của các hợp đồng cho thuê đất và bán nhà xưởng từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (v) Theo Biên bản họp liên ngành giữa Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các khu công nghiệp và Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ngày 14 tháng 8 năm 2007 và Quyết định về việc hỗ trợ vốn đầu tư cho doanh nghiệp số 1951/QĐ - UBND ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cam kết hỗ trợ giá cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng thông qua dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ của Công ty. Theo đó, số tiền hỗ trợ đầu tư cho Công ty là 19,44 tỷ VND từ nguồn ngân sách tỉnh và được dùng để đầu tư dự án nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Quế Võ.
- (vi) Đây là khoản đặt cọc vào Công ty TNHH Nhà nước MTV TT & PT Nông nghiệp Hà Nội theo Hợp đồng số 128/2010/HĐ-HTKD ký ngày 29 tháng 6 năm 2010 để hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng, nhà ở cao cấp và dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, biệt thự, nhà vườn, nhà ở chung cư cao cấp tại xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
- (vii) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kum-Ba liên quan đến giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Đầu tư Láng Hạ.
- (viii) Số dư đầu năm bao gồm khoản đặt cọc của Công ty để mua phần vốn góp trong Công ty TNHH Scanviwood (nay được đổi tên là Công ty Cổ phần Scanviwood) trị giá 7.204.600.000 VND. Trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến việc xác nhận quyền sở hữu vốn góp trong công ty này, theo đó, khoản đặt cọc này được phân loại là vốn góp vào Công ty Cổ phần Scanviwood (Thuyết minh số 14.2).

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Dự án Khu công nghiệp và Khu đô thị Trảng Cát (i)	3.352.808.991.554	-	3.180.330.291.504	-
Dự án Khu công nghiệp Tân Phú Trung (ii)	2.559.881.884.282	-	2.660.448.936.286	-
Dự án Khu đô thị Phúc Ninh	791.241.769.241	-	763.875.971.070	-
Dự án Khu công nghiệp và đô thị Quang Châu	551.643.366.073	-	504.915.930.496	-
Dự án Khu công nghiệp Trảng Duệ - giai đoạn 1 (iii)	16.498.178.861	-	80.842.121.675	-
Dự án Khu công nghiệp Trảng Duệ - giai đoạn 2	446.614.321.229	-	954.745.236	-
Dự án Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạ Lĩnh	206.869.480.433	-	194.505.863.659	-
Dự án Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng	337.106.227.149	-	117.840.809.247	-
Dự án Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu	64.211.681.110	-	74.814.613.682	-
Dự án Khu nhà thu nhập thấp	23.897.163.067	-	23.897.163.067	-
Các dự án khác	13.675.314.872	-	13.923.658.637	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.364.448.377.871</b>	<b>-</b>	<b>7.616.350.104.559</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, chi phí lãi vay vốn hóa và các chi phí chung phân bổ khác phát sinh trong quá trình phát triển Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu, Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, Khu đô thị Phúc Ninh, Khu công nghiệp Nam Sơn – Hạp Lĩnh, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Khu công nghiệp và đô thị Quang Châu, Khu công nghiệp Trảng Duyệt, Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát và các dự án khác do Tập đoàn thực hiện đang được phát triển cho mục đích bán lại. Phần lớn hàng tồn kho của Tập đoàn được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

- (i) Theo Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/2000 của Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát ("Dự án Trảng Cát") với diện tích khu đô thị và dịch vụ được phê duyệt là 584.91 ha, đồng thời phê duyệt Công ty là chủ đầu tư của dự án này. Theo đó, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị Trảng Cát ("Công ty Trảng Cát") để trực tiếp thực hiện, quản lý và kinh doanh Dự án này. Vào ngày 8 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng cũng đã ra Quyết định số 1679/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho Công ty Trảng Cát để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị và dịch vụ Trảng Cát tại phường Trảng Cát, quận Hải An, với tổng diện tích được giao là 581.93 ha.

Cũng liên quan đến Dự án Trảng Cát, theo Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 0202/2013/HĐTC-DN ngày 22 tháng 2 năm 2013 giữa Công ty Trảng Cát và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("Ngân hàng Phương Tây"), nay đã được sáp nhập thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVCombank"). Công ty Trảng Cát đã đồng ý thế chấp các tài sản bao gồm:

- ▶ Dự án Trảng Cát;
- ▶ Các quyền tài sản và lợi ích kinh tế phát sinh từ Quyết định giao đất và các văn bản/văn kiện có liên quan, giá trị đầu tư gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc Dự án Trảng Cát;
- ▶ Tất cả các quyền tài sản, quyền và lợi ích kinh tế khác phát sinh từ Dự án Trảng Cát; và
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Trảng Cát.

với Ngân hàng PVCombank để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Tập đoàn và các bên liên quan của Tập đoàn. Trong đó, các nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm:

- ▶ nghĩa vụ phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn – Bình Thuận ("Công ty Sài Gòn – Bình Thuận") phát sinh từ việc mua lại danh mục đầu tư của Ngân hàng PVCombank theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 1 tháng 8 năm 2012 giữa Ngân hàng và Công ty Sài Gòn – Bình Thuận;
- ▶ các khoản vay, ủy thác đầu tư và số dư trái phiếu giữa Tập đoàn, công ty liên kết (bao gồm Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn – SGT) với Ngân hàng PVCombank với tổng giá trị là 2.429 tỷ VND; và
- ▶ các khoản vay, ủy thác đầu tư và số dư trái phiếu của một số công ty khác (bao gồm Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư SGI, Công ty Cổ phần Chứng khoán NAVI và Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á) với Ngân hàng PVCombank với tổng giá trị là 1.095 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

- (ii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Khu công nghiệp Tân Phú Trung bao gồm giá trị hợp lý của phần diện tích đất đã giải phóng mặt bằng và có quyết định giao đất thuộc Khu công nghiệp Tân Phú Trung và Khu đô thị Tân Phú Trung của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc đã được đánh giá lại cho mục đích hợp nhất kinh doanh tại ngày Tập đoàn mua và nắm quyền kiểm soát công ty con này.
- (iii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Khu công nghiệp Trảng Duệ - giai đoạn 1 bao gồm giá trị hợp lý của phần diện tích đất đã giải phóng mặt bằng và có quyết định giao đất thuộc Khu công nghiệp Trảng Duệ của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng đã được đánh giá lại cho mục đích hợp nhất kinh doanh tại ngày Tập đoàn mua và nắm quyền kiểm soát công ty con này.

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng)</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu năm	170.814.699.429	32.273.266.388	32.813.108.309	4.948.281.944	894.109.090	241.743.465.160
- Mua mới trong năm	1.230.632.364	358.980.161	12.555.915.992	1.600.545.000	-	15.746.073.517
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	10.922.905.031	-	483.262.727	2.820.227.573	-	14.226.395.331
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(476.068.818)	-	-	(476.068.818)
- Giảm khác	(3.069.897.535)	-	-	-	-	(3.069.897.535)
Số dư cuối năm	179.898.339.289	32.632.246.549	45.376.218.210	9.369.054.517	894.109.090	268.169.967.655
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản cố định đã hết khấu hao</i>	394.064.686	1.051.245.455	9.445.453.507	2.790.286.887	319.109.090	14.000.159.625
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	66.303.165.568	13.836.630.000	18.455.707.360	3.431.029.992	793.346.593	102.819.879.513
- Khấu hao trong năm	16.624.380.856	3.190.830.098	4.372.476.020	561.164.053	71.875.000	24.820.726.027
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(476.068.818)	-	-	(476.068.818)
Số dư cuối năm	82.927.546.423	17.027.460.098	22.352.114.562	3.992.194.045	865.221.593	127.164.536.721
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm	104.511.533.861	18.436.636.388	14.357.400.949	1.517.251.952	100.762.497	138.923.585.647
Số dư cuối năm	96.970.792.866	15.604.786.451	23.024.103.648	5.376.860.472	28.887.497	141.005.430.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

*Nhà xưởng (bao gồm chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng)*

**Nguyên giá:**

Số dư đầu năm	27.405.394.467
- Tăng trong năm	44.784.398.876
- Giảm trong năm (*)	(44.784.398.876)
Số dư cuối năm	<u>27.405.394.467</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số dư đầu năm	5.223.323.362
- Tăng trong năm	3.540.728.634
- Giảm trong năm (*)	(1.773.841.629)
Số dư cuối năm	<u>6.990.210.367</u>

**Giá trị còn lại:**

Số dư đầu năm	<u>22.182.071.105</u>
Số dư cuối năm	<u>20.415.184.100</u>

(\*) Trong năm 2015, Công ty đã bán nhà xưởng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn theo Hợp đồng số 199/HĐCNTS - QVMR/2015 ngày 10 tháng 12 năm 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa xác định lại giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do chưa có thị trường sẵn có cho các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khách sạn Hoa Sen Hà Nội (i)	119.161.983.744	119.161.983.744
Khu ngoại giao đoàn Hà Nội (ii)	106.555.116.818	106.555.116.818
Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng (iii)	-	1.994.980.499
Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu	4.592.921.893	4.892.811.683
Nhà máy Nhiệt điện Bắc Giang	3.116.503.893	3.116.503.893
Nhà xưởng Khu công nghiệp Quang Châu	1.314.135.200	786.976.364
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	160.000.000	160.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>234.900.661.548</u></b>	<b><u>236.668.373.001</u></b>

- (i) Theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2010, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã lựa chọn Công ty làm Chủ đầu tư Dự án Khách sạn Hoa Sen Hà Nội. Dự án này sẽ được xây dựng trên lô đất có diện tích khoảng 40.484m<sup>2</sup>. Chi phí đã phát sinh bao gồm 5,5 triệu đô la Mỹ hỗ trợ cho UBND thành phố Hà Nội, chi phí tư vấn thiết kế trả cho nhà thầu nước ngoài và một số chi phí khác.
- (ii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật số 2592/2009/HANCORP-KBC ngày 5 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật để Công ty xúc tiến việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở, cơ quan đại diện, tổ chức quốc tế tại Khu ngoại giao đoàn Hà Nội.
- (iii) Tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư và quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế liên quan đến vốn vay tại Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng được dùng làm tài sản thế chấp và đảm bảo cho khoản vay với ngân hàng.

**13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 215,9 tỷ VND. Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư xây dựng phát triển Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, Khu đô thị Phúc Ninh, Khu công nghiệp Quang Châu, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Khu công nghiệp Trảng Duyệt, Khu đô thị Trảng Cát và các dự án đầu tư xây dựng cơ bản khác của Tập đoàn.

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Thuyết minh số</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	462.788.335.881	445.993.554.433
Đầu tư dài hạn khác	14.2	452.867.200.000	1.141.492.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(23.052.816.635)	(69.694.654.853)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>892.602.719.246</u></b>	<b><u>1.517.791.599.580</u></b>

10/1/15  
 UH  
 UN  
 10/1/15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
			<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế	(i)	28,14%	9.849.000	210.115.300.777	9.849.000	210.529.264.240
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	(ii)	21,48%	15.896.923	163.264.402.974	15.896.923	152.984.724.489
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Công nghệ Cao Sài Gòn	(iii)	27,44%	8.233.083	82.468.701.980	8.233.083	82.479.565.704
Công ty Cổ phần Scanviwood	(iv)	34%	1.077.528	6.939.930.150	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>462.788.335.881</b>		<b>445.993.554.433</b>

*(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế*

Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3103000255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp ngày 9 tháng 10 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3300512389 thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 2 năm 2012 với mức vốn điều lệ là 350 tỷ VND. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, khu dân cư – đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân; xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng, giao thông, công trình điện đến 35kV.

Công ty này có trụ sở tại số 15, đường Nguyễn Huệ, thành phố Huế, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

*(ii) Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn*

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 8 năm 2014 với mức vốn điều lệ là 740 tỷ VND. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là mua bán máy vi tính, thiết bị điện tử, vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông; mua bán, lắp đặt thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin; tư vấn kỹ thuật ngành tin học; thiết kế lắp đặt hệ thống máy tính; xây dựng khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi.

Công ty này có trụ sở tại Lô 46, công viên Phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn*

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103006017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 2 tháng 7 năm 2009 với mức vốn điều lệ là 300 tỷ VND. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật, căn hộ để bán và cho thuê, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại dịch vụ; thi công xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, cầu đường, thủy lợi; kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách; tư vấn đầu tư, quản lý doanh nghiệp, tư vấn xây dựng; môi giới thương mại; dịch vụ kê khai hải quan; kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, du lịch.

Công ty này có trụ sở tại lô 6-1, Tòa nhà Ree, số 364 đường Cộng Hoà, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*(iv) Công ty Cổ phần Scanviwood*

Công ty Cổ phần Scanviwood được đăng ký lại doanh nghiệp đã hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411031000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2015 với mức vốn điều lệ là 31,69 tỷ VND. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là chế biến đồ gỗ gia dùng để xuất khẩu.

Công ty đã hoàn tất các thủ tục để nhận chuyển nhượng 34% phần vốn góp trong công ty này trong tháng 6 năm 2015.

Công ty này có trụ sở tại số 565 đường An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

15



## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn</i>	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế</i>	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ Cao Sài Gòn</i>	<i>Công ty Cổ phần Scanviwood</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>					
Số dư đầu năm	423.492.661.074	210.627.000.000	82.330.830.000	-	716.450.491.074
- Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	7.204.600.000	7.204.600.000
Số dư cuối năm	423.492.661.074	210.627.000.000	82.330.830.000	7.204.600.000	723.655.091.074
<b>Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:</b>					
Số dư đầu năm	(110.280.210.199)	(97.735.760)	148.735.705	-	(110.229.210.255)
- Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết	10.279.678.484	(413.963.463)	(10.863.725)	(264.669.848)	9.590.181.448
Số dư cuối năm	(100.000.531.715)	(511.699.223)	137.871.980	(264.669.848)	(100.639.028.806)
<b>Phân bổ lợi thế thương mại:</b>					
Số dư đầu năm	160.227.726.386	-	-	-	160.227.726.386
Số dư cuối năm	160.227.726.386	-	-	-	160.227.726.386
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	152.984.724.489	210.529.264.240	82.479.565.704	-	445.993.554.433
Số dư cuối năm	163.264.402.973	210.115.300.777	82.468.701.980	6.939.930.152	462.788.335.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư dài hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn – Bình Định (i)	-	-	-	4,83	48.300.000	483.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn	5,75	6.900.000	339.000.000.000	5,75	6.900.000	339.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện SGI – Lào (ii)	-	-	-	19	19.000.000	190.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng		3.900.000	39.000.000.000	19,5	3.900.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông VTC - Saigontel	19,19	3.070.020	30.700.200.000	19,19	3.070.020	30.700.200.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Bình Phước	10,56	190.000	19.000.000.000	10,56	190.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	-	-	-	19	950.000	11.352.500.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội	10	100.000	10.000.000.000	10	100.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân (iii)	1,63	70.000	7.000.000.000	6,48	70.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (iv)	3	44	4.367.000.000	3	86,40	8.640.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận	0,35	350.000	3.500.000.000	0,35	350.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Long An	0,15	30.000	300.000.000	0,15	30.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>452.867.200.000</b>			<b>1.141.492.700.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(23.052.816.635)			(69.694.654.853)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>429.814.383.365</b>			<b>1.071.798.045.147</b>

- (i) Trong năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn Bình Định cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc.
- (ii) Như đã trình bày trong Thuyết minh số 8, theo Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện SGI-Lào vào ngày 1 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Thủy điện SGI-Lào đã quyết định giải thể và hoàn vốn cho Công ty với số tiền 185.586.558.152 VND.
- (iii) Vào ngày 24 tháng 4 năm 2015, Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân đã tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng. Công ty không thực hiện góp thêm vốn vào Công ty này, do đó, tỷ lệ sở hữu thực tế trong công ty này giảm xuống còn 1,63%.
- (iv) Theo Thông báo số 1815/UBCK - QLQ ngày 15 tháng 4 năm 2015 của UBCK Nhà nước về việc xác nhận giảm vốn điều lệ của Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), vốn điều lệ của Quỹ giảm từ 287,984 tỉ xuống còn 145,541 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 4,367 tỷ VND vào Quỹ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Phát	9.559.539.000	9.559.539.000	14.652.077.895	14.652.077.895
- Công ty TNHH Trọng Cường	2.929.856.895	2.929.856.895	2.537.411.718	2.537.411.718
- Công ty TNHH BlueScope Buildings Việt Nam	4.365.000.000	4.365.000.000	6.231.295.300	6.231.295.300
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	2.317.260.652	2.317.260.652	3.749.876.087	3.749.876.087
- Công ty TNHH Vận tải Thương mại Thành Tiến	10.418.885.000	10.418.885.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát	3.830.196.750	3.830.196.750	-	-
- Các nhà cung cấp khác	43.481.668.345	43.481.668.345	28.488.499.830	28.488.499.830
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	90.860.000	90.860.000	17.160.000	17.160.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.993.266.642</b>	<b>76.993.266.642</b>	<b>55.676.320.830</b>	<b>55.676.320.830</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà và quyền sử dụng đất khu đô thị Phúc Ninh	195.253.258.200	196.210.907.200
Ngân hàng TMCP Quốc dân ứng trước mua nhà và quyền sử dụng đất khu đô thị Phúc Ninh	57.394.622.400	66.582.840.000
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà và quyền sử dụng đất khu đô thị Quang Châu	54.192.897.792	57.394.622.400
Trả trước tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung	66.582.840.000	80.261.675.865
Khách hàng ứng trước tiền thuê đất khu Trảng Dục	17.885.190.217	5.407.028.918
Công ty Cổ phần Điện lực Khu vực 1 (*)	22.500.000.000	-
Các đối tượng khác	12.108.413.259	3.001.365.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>425.917.221.868</b>	<b>408.858.439.492</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng của Công ty Cổ phần Điện lực Khu vực 1 để chuyển nhượng hệ thống hạ tầng lưới điện phân phối 22KV trong Khu công nghiệp Quê Võ theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10 tháng 11 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ được khấu trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	73.501.280.142	78.443.731.028	(104.545.160.262)	47.399.850.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	-	106.748.848.199	(7.694.466.483)	99.054.381.716
Thuế thu nhập cá nhân	308.393.438	3.050.409.011	(2.822.058.582)	536.743.867
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	28.859.757.510	734.267.468	(797.475.695)	28.796.549.283
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.669.431.090</b>	<b>188.977.255.706</b>	<b>(115.859.161.022)</b>	<b>175.787.525.774</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	45.092.138.252	(7.132.663.892)	-	37.959.474.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.092.138.252</b>	<b>(7.132.663.892)</b>	<b>-</b>	<b>37.959.474.360</b>

(\*) Bao gồm trong các khoản phải nộp Nhà nước là tiền thuê đất tạm trích của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc ("SCD") cho Dự án Khu Công nghiệp Tân Phú Trung với số tiền là 28,4 tỷ đồng. Hiện SCD đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có liên quan để xác định nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất cho Nhà nước (xem thêm Thuyết minh số 31).

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng trích trước đối với phần doanh thu đã được ghi nhận	794.666.742.075	617.851.226.038
- Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu	30.949.674.086	38.715.957.304
- Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng	158.932.801.994	140.748.043.682
- Khu công nghiệp Trảng Dũ	171.522.886.783	81.503.597.814
- Khu công nghiệp Quang Châu	164.052.834.286	158.371.537.693
- Khu công nghiệp Tân Phú Trung	269.208.544.926	198.512.089.545
Chi phí lãi vay phải trả	188.756.576.921	154.316.717.555
Chi phí phát hành trái phiếu	-	13.950.000.000
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	370.691.739	235.894.743
Các chi phí phải trả khác	39.493.704.297	9.189.726.831
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.023.287.715.032</b>	<b>795.543.565.167</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay phải trả (*)	757.092.452.968	628.089.032.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>757.092.452.968</b>	<b>628.089.032.022</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm lãi trái phiếu phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVCcombank"). PVCcombank đã có phụ lục hợp đồng điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc và lãi trái phiếu cho Công ty, theo đó, các khoản lãi trái phiếu này sẽ đáo hạn vào các năm 2017 và 2019 (Thuyết minh số 19.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	5.000.000.000	82.570.642.264
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc (i)	-	38.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	-	70.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.319.777.921	13.652.090.198
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.319.777.921</u></b>	<b><u>204.222.732.462</u></b>

Dài hạn		
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Và Tin học Cholimex (ii)	55.500.000.000	55.500.000.000
Đặt cọc khác	3.772.399.555	6.570.305.020
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.272.399.555</u></b>	<b><u>62.070.305.020</u></b>

- (i) Đây là khoản đặt cọc thuê đất tại Dự án Khu Công nghiệp Trảng Duệ theo Hợp đồng thuê đất số 03/HĐNX/KD-2009 ký giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn-Hải Phòng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc.
- (ii) Trong năm 2014, Công ty đã nhận 55,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Cơ điện tử và Tin học Cholimex để đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Phúc Ninh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1004/HĐHTKD-KBC/2014 ngày 10 tháng 4 năm 2014.

**19. VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay các đối tượng khác (*)	32.868.697.019	32.868.697.019
Vay dài hạn đến hạn trả	1.058.502.212.972	870.122.253.601
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	113.830.830.000	113.830.830.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.205.201.739.991</u></b>	<b><u>1.016.821.780.620</u></b>

Vay dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	880.870.589.180	554.781.596.475
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.849.163.882	-
Trái phiếu (Thuyết minh số 19.2)	1.525.318.602.000	2.464.952.580.171
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.410.038.355.062</u></b>	<b><u>3.019.734.176.646</u></b>

Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.058.502.212.972	870.122.253.601
Vay và nợ dài hạn	1.351.536.142.090	2.149.611.923.045

- (\*) Bao gồm các khoản vay không cần tài sản đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc.

## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.1 Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ (đồng la Mỹ)	Lãi suất	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Quế Võ	421.400.000.000	-	11%/năm	Gốc vay và lãi trả vào ngày 6 tháng 2 năm 2020. Lãi vay được trả vào ngày 25 cuối mỗi quý	Cơ sở hạ tầng và các tài sản khác gắn liền với đất, tình thành trong tương lai tại KCN Tráng Duệ II với diện tích là 214,02 ha. Tất cả khoản thu nhập, lợi tức, lợi ích, quyền tài sản phát sinh từ các giao dịch nhằm kinh doanh cơ sở hạ tầng, đất của Dự án, liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
	27.984.180.300	-	10,5%/năm	Gốc trả 6 tháng một lần từ ngày 25 tháng 7 năm 2016, lãi vay trả vào ngày 25 cuối quý	Nhà xưởng lô L khu công nghiệp Quế Võ, các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô L và các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.
Ngân hàng TMCP Quốc dân (trước đây là Ngân hàng TMCP Nam Việt) - Chi nhánh Hà Nội	5.690.091.466	253.456,19	5,6%/năm	Lãi trả hàng tháng. Gốc vay trả hàng quý, đáo hạn ngày 6 tháng 1 năm 2019.	Tài sản hình thành từ vốn vay là thiết bị nhà máy nước sạch tại khu công nghiệp Quang Châu.
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	320.000.000.000	-	9,2%/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá trị tài sản hình thành trong tương lai của 120 ha Khu công nghiệp Quang Châu.
Ngân hàng TMCP Quốc dân (trước đây là Ngân hàng TMCP Nam Việt)	105.796.317.414	-	11% - điều chỉnh 6 tháng 1 lần	Trả nợ gốc 6 tháng 1 lần trong vòng 5 lần kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2016	Giá trị quyền sử dụng đất lô B1, B2, B4, B5, B6 KCN Tân Phú Trung.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>880.870.589.180</b>				
Trong đó					
- Vay dài hạn đến hạn trả	38.502.212.972				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.2 Trái phiếu phát hành**

Chi tiết trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Trái phiếu</i>	<i>Loại trái phiếu</i>	<i>Số lượng trái phiếu</i>	<i>Mệnh giá VND</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Lãi suất trong kỳ</i>	<i>Thời hạn trái phiếu</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
KBC Bond 001	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu KBC Bond 001	2.700.000	100.000	270.000.000.000  (706.398.000)	10,125%	8 tháng 5 năm 2017	Toàn bộ các tài sản hình thành từ chi phí đầu tư mà Công ty đã đầu tư và sẽ đầu tư trong tương lai vào 300 ha Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng và 45 héc ta Khu đô thị Phúc Ninh
KBC Bond 004	Trái phiếu doanh nghiệp phát hành cho PVCombank	4.000.000	100.000	400.000.000.000	9,2%	31 tháng 10 năm 2019	Thế chấp bằng giá trị hàng tồn kho của Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát
KBC Bond 005	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.500.000	100.000	350.000.000.000	9,63%	28 tháng 12 năm 2017	Đảm bảo bằng 12,63 triệu cổ phiếu SGT và 16,75 triệu cổ phiếu KBC của ông Đặng Thành Tâm và giá trị hình thành trong tương lai của dự án khu đô thị Quang Châu
KBC Bond 006	Trái phiếu doanh nghiệp phát hành cho PVCombank	500.000	100.000	50.000.000.000	9,2%	31 tháng 10 năm 2019	Thế chấp bằng giá trị hàng tồn kho của Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát
KBC Bond 007	Trái phiếu doanh nghiệp phát hành cho PVCombank	3.000.000	100.000	300.000.000.000	9,2%	31 tháng 10 năm 2019	Thế chấp bằng giá trị hàng tồn kho của Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát
002/2009/T PSCD01/H ĐMB	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân	417.490	100.000	41.749.000.000	12,50%	18 tháng 12 năm 2019	Lô đất B1,B2,B4,B5,B6 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 570/14/HĐTC-BDS/101-11 ngày 31 tháng 12 năm 2014
003/2009/T PSCD01/H ĐMB	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân	1.142.760	100.000	114.276.000.000	12,50%	18 tháng 12 năm 2019	Lô đất B1,B2,B4,B5,B6 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 570/14/HĐTC-BDS/101-11 ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.260.250</b>		<b>1.525.318.602.000</b>			
<i>Trong đó: Trái phiếu phải thanh toán trong 12 tháng tới</i>				<i>1.020.000.000.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Thay đổi trong kỳ			Số cuối năm
		Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu (*)	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	
Trái phiếu chuyển đổi	886.050.000.000	291.411.000.000	1.177.461.000.000	-	-

(\*) Giá trị trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá gốc của trái phiếu sau khi trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2014, Công ty đã tiến hành chào bán 1.200 trái phiếu chuyển đổi bằng VND, với tổng mệnh giá 1.200.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phát hành thành công 900 trái phiếu chuyển đổi, với tổng mệnh giá 900 tỷ VND. Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã phát hành thành công thêm 300 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, theo đó đã hoàn thành đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 1.200 tỷ đồng. Đây là các trái phiếu chuyển đổi không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 8%/năm và có kỳ hạn 3 năm.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi được Công ty phát hành, các trái chủ có quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu của Công ty trong 05 (năm) đợt chuyển đổi, với các ngày chuyển đổi được quy định như sau:

- ▶ Đợt 1: Ngày chuyển đổi là 01 tháng kể từ Ngày phát hành;
- ▶ Đợt 2: Ngày chuyển đổi là 06 tháng kể từ Ngày phát hành;
- ▶ Đợt 3: Ngày chuyển đổi là 12 tháng kể từ Ngày phát hành;
- ▶ Đợt 4: Ngày chuyển đổi là 24 tháng kể từ Ngày phát hành; và
- ▶ Đợt 5: Ngày chuyển đổi là 36 tháng kể từ Ngày phát hành.

Số lượng trái phiếu chuyển đổi trong mỗi đợt do trái chủ tự quyết định. Các cổ phiếu chuyển đổi trong Đợt 1 và Đợt 2 sẽ bị giới hạn chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ Ngày phát hành. Kể từ Đợt 3 trở đi, các cổ phiếu chuyển đổi từ Trái phiếu được tự do chuyển nhượng ngay sau khi chuyển đổi và niêm yết bổ sung.

Do số lượng cổ phiếu có thể chuyển đổi là không cố định (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi), Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành các trái phiếu chuyển đổi trên là nợ phải trả, thay vì tách riêng cấu phần nợ và cấu phần vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm phát hành.

Trong tháng 1 năm 2015, các trái chủ đã quyết định chuyển đổi các trái phiếu nêu trên thành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, 1.200 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi này được chuyển đổi thành 80.000.000 cổ phiếu theo giá chuyển đổi là 15.000 VND/cổ phiếu. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 800 tỷ đồng (tương ứng với 80.000.000 cổ phiếu theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số dư đầu năm	2.957.111.670.000	611.603.430.000	(364.466.650.000)	2.223.693.823	844.008.284.354	864.294.659.709	4.914.775.087.886
- Tăng trong năm	1.000.000.000.000	-	-	-	-	35.333.255.565	1.035.333.255.565
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(5.595.945.604)	(5.595.945.604)
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	325.617.229.507	(13.648.094.868)	311.969.134.639
Số dư cuối năm	<u>3.957.111.670.000</u>	<u>611.603.430.000</u>	<u>(364.466.650.000)</u>	<u>2.223.693.823</u>	<u>1.169.625.513.861</u>	<u>880.383.874.802</u>	<u>6.256.481.532.486</u>
<b>Năm nay</b>							
Số dư đầu năm	3.957.111.670.000	611.603.430.000	(364.466.650.000)	2.223.693.823	1.169.625.513.861	880.383.874.802	6.256.481.532.486
- Tăng trong năm (*)	800.000.000.000	377.461.000.000	-	-	-	-	1.177.461.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	611.910.605.619	(9.848.150.262)	602.062.455.357
Số dư cuối năm	<u>4.757.111.670.000</u>	<u>989.064.430.000</u>	<u>(364.466.650.000)</u>	<u>2.223.693.823</u>	<u>1.781.536.119.480</u>	<u>870.535.724.540</u>	<u>8.036.004.987.843</u>

(\*) Xem Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Vốn góp của cổ đông	4.757.111.670.000	4.757.111.670.000	-	3.957.111.670.000	3.957.111.670.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	989.064.430.000	989.064.430.000	-	611.603.430.000	611.603.430.000	-
Cổ phiếu quỹ	(364.466.650.000)	(364.466.650.000)	-	(364.466.650.000)	(364.466.650.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.381.709.450.000</b>	<b>5.381.709.450.000</b>	<b>-</b>	<b>4.204.248.450.000</b>	<b>4.204.248.450.000</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
<b>Vốn đã góp</b>				
Số đầu năm		3.957.111.670.000		2.957.111.670.000
Tăng vốn trong năm		800.000.000.000		1.000.000.000.000
Giảm vốn trong năm		-		-
Số cuối năm		<u>4.757.111.670.000</u>		<u>3.957.111.670.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		-		-

**21.4 Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 2704/2015/KBC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty sẽ tiến hành trả cổ tức theo tỷ lệ 4% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (là 469.760.189 cổ phiếu), với giá trị cổ phiếu phát hành cổ tức là 187.904.070.000 VND, tương ứng 18.790.407 cổ phiếu. Công ty sẽ sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sử dụng của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính năm 2014 để phát hành cổ phiếu. Tuy nhiên, việc trả cổ tức bằng cổ phiếu này chưa được hoàn thành đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.5 Cổ phiếu phổ thông**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá (VND)</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>475.711.167</b>	<b>4.757.111.670.000</b>	<b>395.711.167</b>	<b>3.957.111.670.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>475.711.167</b>	<b>4.757.111.670.000</b>	<b>395.711.167</b>	<b>3.957.111.670.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	475.711.167	4.757.111.670.000	395.711.167	3.957.111.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>5.950.978</b>	<b>59.509.780.000</b>	<b>5.950.978</b>	<b>59.509.780.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.950.978	59.509.780.000	5.950.978	59.509.780.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>469.760.189</b>	<b>4.697.601.890.000</b>	<b>389.760.189</b>	<b>3.897.601.890.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	469.760.189	4.697.601.890.000	389.760.189	3.897.601.890.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2014: 10.000 VND/cổ phiếu).

**22. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	880.383.874.802	864.294.659.709
Lỗ thuộc về cổ đông thiểu số	(9.848.150.262)	(13.648.094.868)
Tăng khác	-	35.333.255.565
Giảm khác	-	(5.595.945.604)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>870.535.724.540</b>	<b>880.383.874.802</b>

CHÍNH SÁCH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.434.851.916.992</b>	<b>1.069.035.499.895</b>
Trong đó:		
Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng (*)	1.129.432.395.238	742.899.998.400
Doanh thu bán nhà xưởng	224.685.952.000	229.531.415.000
Doanh thu cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng	8.145.578.316	35.609.277.548
Doanh thu cung cấp nước sạch, điện, phí dịch vụ, xử lý nước thải	72.587.991.438	60.994.808.947
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.434.851.916.992</b>	<b>1.069.035.499.895</b>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	1.434.851.916.992	1.069.035.499.895
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

(\*) Trong năm, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu từ hoạt động cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi bàn giao đất cho khách hàng dựa trên đánh giá rằng phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của lô đất đã được chuyển giao cho khách thuê. Nếu doanh thu từ việc cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này được phân bổ trong thời hạn thuê đất, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn là như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần tại thời điểm bàn giao đất</i>	<i>Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê đất</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.434.851.916.992	311.105.120.914
Trong đó:		
Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	1.129.432.395.238	16.740.316.670
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(861.405.092.161)	(143.570.942.373)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	573.446.824.831	167.534.178.541
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	729.975.128.923	318.158.614.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(113.881.512.091)	(73.527.358.122)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(14.031.161.477)	(57.906.684.180)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	602.062.455.355	186.724.572.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU (tiếp theo)**

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính (*)	289.800.000.000	113.309.014.365
Tiền lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng cho thuê đất và nhà xưởng (**)	19.632.630.216	19.340.455.246
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	6.039.056.854
Lãi tiền gửi	4.966.692.965	3.976.830.403
Lãi mua bán chứng khoán và hoạt động tài chính	1.727.440.000	1.139.594.814
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	583.508.308	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413.204.123	-
Khác	-	89.885.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>317.123.475.612</u></b>	<b><u>143.894.837.330</u></b>

(\*) Đây là khoản lãi từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn Bình Định trong năm 2015 (Thuyết minh số 14.2).

(\*\*) Chủ yếu bao gồm lãi từ khoản thanh toán chậm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc theo các hợp đồng cho thuê đất và bán nhà xưởng.

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	717.315.725.177	358.145.331.155
Giá vốn nhà xưởng đã bán	98.262.928.829	80.651.675.087
Giá vốn kho, nhà xưởng và văn phòng cho thuê	3.743.646.240	10.483.800.514
Giá vốn khác	42.082.791.915	32.085.358.514
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>861.405.092.161</u></b>	<b><u>481.366.165.270</u></b>

Giá vốn cho thuê đất và cơ sở hạ tầng bao gồm các khoản trích trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
	<i>Giá vốn</i>	<i>Giá trị trích trước vào chi phí</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Giá trị trích trước vào chi phí</i>
Cho thuê dài hạn đất có cơ sở hạ tầng	717.315.725.177	207.735.700.012	358.145.331.155	68.652.585.326
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>717.315.725.177</u></b>	<b><u>207.735.700.012</u></b>	<b><u>358.145.331.155</u></b>	<b><u>68.652.585.326</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	81.019.115.336	238.484.787.126
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(56.477.613.417)	-
Lỗ do giảm tỉ lệ sở hữu ở công ty con	-	35.333.255.565
Chi phí báo lãnh và phát hành trái phiếu	7.192.908.455	13.188.230.848
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	6.265.941.848	-
Chi phí lãi phát sinh từ khoản đặt cọc mua nhà khu đô thị Phúc Ninh	1.775.655.000	975.751.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.449.612.884	468.978.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.588.622.690
Chi phí tài chính khác	145.250.725	111.335.842
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.370.870.831</u></b>	<b><u>292.150.961.413</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.616.128.501	5.264.591.290
Lương thưởng nhân viên	51.803.476.748	46.450.330.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.749.086.481	13.643.617.858
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	709.856.501
Khác	15.830.310.447	14.577.539.509
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>92.999.002.177</u></b>	<b><u>80.645.935.431</u></b>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Mua logo công ty	14.901.600.000	-
Phí tư vấn pháp lý, môi giới bán hàng	14.583.723.422	12.505.574.772
Chi phí nhân viên bán hàng	2.094.587.118	3.180.727.421
Khác	3.307.894.383	2.001.930.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.887.804.923</u></b>	<b><u>17.688.233.075</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Chi phí phát triển đất, cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và dịch vụ cung cấp	808.565.588.781	459.304.944.710
Chi phí nhân công	55.601.580.371	44.706.149.257
Chi phí khấu hao, tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại, chi phí trả trước	28.361.454.661	32.881.714.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.690.914.988	30.825.525.706
Chi phí khác	19.072.360.461	11.981.999.923
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>989.291.899.262</u></b>	<b><u>579.700.333.776</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Tập đoàn là 22% lợi nhuận chịu thuế trừ trường hợp sau:

- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2005 đến 2008 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đến năm 2017. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 10% và được miễn giảm 50%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong ba năm từ 2008 đến 2010 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong bảy năm tiếp theo từ 2011 đến 2017. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 10% và được miễn giảm 50%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp Quang Châu, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 20% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2008 đến 2011 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong bảy năm tiếp theo. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 10% và được miễn giảm 50%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp Trảng Duyệt - giai đoạn 1, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 20% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2009 đến 2012 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 10% và được miễn giảm 50%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu Công nghiệp Trảng Duyệt - giai đoạn 2, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2015 đến 2018 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đến năm 2027. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 0%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp Tân Phú Trung, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 20% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2007 đến 2010 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Thuế suất cho năm tài chính 2015 là 10% và được miễn giảm 50%.
- ▶ Đối với hoạt động cho thuê đất khu đô thị và dịch vụ Trảng Cát, Công ty TNHH Một thành viên Phát triển đô thị Trảng Cát có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 20% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2012 đến 2016 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế cho năm tài chính 2015.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	113.881.512.091	1.922.333.344
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	14.031.161.477	27.380.624.397
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.912.673.568</u></b>	<b><u>29.302.957.741</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>729.975.128.925</b>	<b>341.272.092.380</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	20.519.384.702	3.696.162.450
Các khoản phạt	828.740.860	-
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	1.109.480.000	812.495.000
Thu nhập chịu thuế cho hoạt động cho thuê đất từ các năm trước phải chịu thuế năm nay	25.659.187.710	16.809.571.786
Phân bổ chênh lệch đánh giá lại tài sản (Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	180.980.503.793 (9.590.181.448)	104.475.251.831 513.929.038
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	111.074.649
Lỗ từ việc giảm tỉ lệ sở hữu tại công ty con	-	35.333.255.565
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Dự phòng cho công ty con, liên kết	(63.835.478.619)	(56.086.307.756)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(6.359.014.365)
Thu nhập chịu thuế cho hoạt động cho thuê đất để phân bổ cho các năm sau	(365.225.511.137)	(292.810.842.452)
Điều chỉnh chi phí năm trước vào năm nay	-	(20.828.000.000)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>520.421.254.786</b>	<b>126.939.668.126</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận trước thuế của Công ty</i>	<i>492.652.574.171</i>	<i>193.086.997.911</i>
<i>Lỗ trước thuế của Công ty (chi nhánh Hồ Chí Minh)</i>	<i>(40.779.832)</i>	<i>(18.003.240)</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế của các công ty con</i>	<i>93.306.389.715</i>	<i>17.430.909.589</i>
<i>Lỗ trước thuế của các công ty con</i>	<i>(71.981.406.302)</i>	<i>(89.250.401.397)</i>
<i>Thu nhập chịu thuế cho hoạt động cho thuê đất từ các năm trước</i>	<i>6.484.477.034</i>	<i>5.690.165.264</i>
<i>Lỗ kỳ trước chuyển sang</i>	<i>(83.598.231.381)</i>	<i>(209.062.479.280)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế)</b>	<b>436.823.023.405</b>	<b>(82.122.811.153)</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>113.881.512.091</b>	<b>208.054.254</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(45.092.138.252)	(43.774.550.524)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.714.279.090
Thuế TNDN đã trả trong năm	(7.694.466.484)	(3.239.921.072)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>61.094.907.355</b>	<b>(45.092.138.252)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 16)</i>	<i>99.054.381.716</i>	<i>-</i>
<i>Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 16)</i>	<i>(37.959.474.361)</i>	<i>(45.092.138.252)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b><i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i></b>				
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến việc đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	240.425.723.486	262.874.442.901	(22.448.719.415)	(7.867.608.300)
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến việc đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn Hải Phòng	457.334.951	9.239.307.668	(8.781.972.716)	(10.167.751.261)
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến việc phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp theo thời gian	258.004.710.590	212.742.856.982	45.261.853.608	45.415.983.958
	<b><u>498.887.769.027</u></b>	<b><u>484.856.607.551</u></b>	-	-
<b><i>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i></b>			<b><u>14.031.161.477</u></b>	<b><u>27.380.624.397</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

*Lỗi chuyển sang từ năm trước*

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>		<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015</i>
2012	2017	(i)	290.447.513.954	(222.499.594.266)	-	67.947.919.688
2013	2018	(i)	114.297.270.724	(44.106.959.987)	(13.358.056.421)	56.832.254.316
2014	2019	(i)	89.268.404.637	-	-	89.268.404.637
2015	2010	(i)	72.022.186.133	-	-	72.022.186.133
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>566.035.375.448</b>	<b>(266.606.554.253)</b>	<b>(13.358.056.421)</b>	<b>286.070.764.774</b>

- (i) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch và/hoặc có khoản phải thu/phải trả trong năm với Tập đoàn:

STT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng khu công nghệ cao Sài Gòn	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Scanviwood	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	Chung nhà đầu tư
6	Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
8	Ông Phan Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tập đoàn mua và bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, vay và cho vay tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Thành Tâm	Công ty nhận nợ vay dài hạn	33.136.871.057	-
	Công ty trả gốc vay dài hạn	29.287.707.175	-
	Công ty tạm ứng	17.826.349.000	38.297.901.111
	Công ty nhận hoàn ứng	18.289.115.088	33.688.647.105
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	Thanh toán phí lắp đặt hệ thống Video Conference	1.485.599.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Chi tiết số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<b>Phải thu khác về cho vay (Thuyết minh số 7)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế	Cho vay ngắn hạn	400.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Bắc Ninh	Cho vay ngắn hạn	8.700.000.000
		<b>9.100.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>		
Ông Đặng Thành Tâm	Tạm ứng	6.175.359.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tạm ứng	3.960.772.420
Ông Phan Anh Dũng	Tạm ứng	110.000.000
Bà Nguyễn Chung Thủy	Tạm ứng	183.356.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - Chi nhánh Bắc Ninh	Đặt cọc	21.592.687.097
		<b>32.022.174.517</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn – Chi nhánh Bắc Ninh	Phải trả phí dịch vụ	90.860.000
		<b>90.860.000</b>
<b>Chi phí phải trả (Thuyết minh số 17)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn	Lãi vay phải trả	370.691.739
		<b>370.691.739</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn (*)	Vay ngắn hạn	112.330.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng (**)	Vay ngắn hạn	1.500.000.000
		<b>113.830.830.000</b>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh số 19)</b>		
Đặng Thành Tâm (***)	Vay dài hạn	3.849.163.882
		<b>3.849.163.882</b>

(\*) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn với lãi suất 0.01%/tháng và đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(\*\*) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn- Đà Nẵng. Khoản vay này không có lãi suất và không có tài sản đảm bảo, đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2016.

(\*\*\*) Đây là khoản vay không chịu lãi, không có tài sản đảm bảo căn cứ theo Thỏa thuận mượn vốn số 01/TTMV/KBC-DTT/2015, đáo hạn vào ngày 7 tháng 5 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Chi tiết số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>	
<b><i>Phải thu khác về cho vay (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế	Cho vay ngắn hạn	400.000.000	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Bắc Ninh	Cho vay ngắn hạn	8.900.000.000	
		<b><u>9.300.000.000</u></b>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tạm ứng	3.960.772.420	
Ông Đặng Thành Tâm	Tạm ứng	6.638.125.088	
Bà Nguyễn Chung Thủy	Tạm ứng	180.000.000	
Ông Phan Anh Dũng	Tạm ứng	110.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khác	22.592.687.097	
		<b><u>33.481.584.605</u></b>	
<b><i>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</i></b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn	Vay ngắn hạn	112.330.830.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	Vay dài hạn khác	1.500.000.000	
		<b><u>113.830.830.000</u></b>	
<b><i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)</i></b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn – Chi nhánh Bắc Ninh	Phải trả người bán	17.160.000	
		<b><u>17.160.000</u></b>	
<b><i>Chi phí phải trả (Thuyết minh số 17)</i></b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn	Lãi vay phải trả	235.894.743	
		<b><u>235.894.743</u></b>	

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Lương và thưởng	8.995.940.744	6.577.051.332		
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.226.330.000	1.301.765.000		
	<b><u>10.222.270.744</u></b>	<b><u>7.878.816.332</u></b>		

AC  
HI  
CÔP  
NH  
IT  
ÉT  
IH  
ÉT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho lãi vay trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	611.910.605.615	325.617.229.507
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Lãi vay trái phiếu chuyển đổi	-	825.066.667
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>611.910.605.615</u>	<u>326.442.296.174</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (không bao gồm cổ phiếu quỹ), điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	464.938.271	360.364.584
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.153.846
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>464.938.271</u></b>	<b><u>361.518.430</u></b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.316	904
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.316	903

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

20  
/ NH  
/ V  
/ H  
/ OL  
/ M  
/ 31  
/ 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### 31.1 Các cam kết liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản

*Các cam kết liên quan đến nghĩa vụ với Nhà nước:*

- (i) Theo Quyết định 413/QĐ-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty được lựa chọn làm chủ đầu tư Dự án Khách sạn Hoa Sen Hà Nội trên lô đất có diện tích khoảng 40.484m<sup>2</sup>, với tổng số vốn đầu tư ước tính là 250.000.000 đô la Mỹ. Đồng thời, Công ty có trách nhiệm xây dựng một cung thiếu nhi tại địa bàn vùng xa, vùng khó khăn trên địa bàn Thành phố Hà Nội với tổng trị giá 1.500.000 đô la Mỹ.
- (ii) Theo Quyết định số 1526/QĐ-CT ngày 17 tháng 12 năm 2003 và Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc giao đất cho Công ty để thực hiện dự án xây dựng Khu đô thị mới Phúc Ninh, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Công ty phải nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật cho các lô đất đất ở, đất thương mại và công trình công cộng được giao để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu đô thị mới Phúc Ninh theo quy hoạch. Theo đó, Công ty đã nhận bàn giao 49.53 ha năm 2010, hoàn thành cắm mốc cho diện tích đất 47.2 ha năm 2013 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh và đã nộp số tiền 175.735.431.000 VND tiền sử dụng đất theo Quyết định 2229/QĐ-CT của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 23 tháng 12 năm 2004 về phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất (đợt 1) và các thông báo giao chỉ tiêu nộp tiền sử dụng đất của Cục Thuế Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thành quyết toán tiền sử dụng đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho các diện tích đất được giao nêu trên.
- (iii) Từ năm 2003 đến năm 2014, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho phần diện tích đã được bàn giao tại Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu và Quế Võ mở rộng lần lượt là 2.268.388.8 m<sup>2</sup> và 1.652.779 m<sup>2</sup>. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp của Công ty. Theo Công văn số 323/BTC-QLCS của Bộ Tài chính đề ngày 12 tháng 1 năm 2015, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công Nghiệp Quế Võ của Công ty được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.
- (iv) Ngày 10 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho 766.858,9 m<sup>2</sup> đất được bàn giao tại Khu công nghiệp Nam Sơn Hạp Lĩnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp của Công ty.
- (v) Ngày 20 tháng 3 năm 2013, Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh gửi Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc ("SCD") thông báo tăng giá thuê đất Khu Công nghiệp Tân Phú Trung là 5.940 đồng/m<sup>2</sup> cho năm 2011 và 2012. Tuy nhiên, Quyết định số 2093/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2011 và Thông tư số 16/2013/TT-BTC về việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp quy định tiền thuê đất 2011 đến 2014 không vượt quá hai lần tiền thuê đất năm 2010. Do đó, SCD hiện đang tạm trích tiền thuê đất Khu Công nghiệp Tân Phú Trung phải nộp năm 2011, 2012 và 2013 với số tiền 2.359.623.014 VND theo đơn giá tiền thuê đất là 500 VND/m<sup>2</sup> tương ứng với hai lần giá đất năm 2010 đã ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 2516/HĐ-TNMT-QHSDĐ ngày 5 tháng 4 năm 2007. Đồng thời, SCD đã có công văn gửi Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị giảm tiền thuê đất không quá hai lần tiền thuê đất năm 2010 theo các văn bản trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, SCD vẫn đang trong quá trình giải quyết đơn giá tiền thuê đất với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho các diện tích đất được thuê nêu trên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

**31.1 Các cam kết liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản (tiếp theo)**

*Các cam kết liên quan đến nghĩa vụ với Nhà nước: (tiếp theo)*

(vi) Từ năm 2011 đến năm 2014, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng ("SHP") đã ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cho phần diện tích đã được bàn giao tại Khu công nghiệp Trảng Duệ với tổng diện tích 1.541.648.7 m<sup>2</sup>. Chi tiết các hợp đồng thuê đất bao gồm: HĐ số 04/HĐTĐ ngày 17 tháng 01 năm 2011 (diện tích 1.363.473.2 m<sup>2</sup>), HĐ số 179/HĐTĐ ngày 31 tháng 12 năm 2013 (diện tích 84.871.8 m<sup>2</sup>) và HĐ số 13/HĐTĐ ngày 17 tháng 02 năm 2014 (diện tích 93.303.7 m<sup>2</sup>). Tại ngày 12 tháng 12 năm 2014, Tổng cục thuế thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 4274/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất cho SHP. Theo đó, SHP được miễn tiền thuê đất đến tháng 9 năm 2017, tháng 12 năm 2023 và tháng 11 năm 2057 áp dụng cho các Hợp đồng thuê đất số 04, số 13 và số 179 tương ứng nêu trên. Tuy nhiên, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 02221000009 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp vào ngày 29 tháng 11 năm 2013, SHP được miễn tiền thuê đất với diện tích được bàn giao nêu trên. Do vậy, SHP đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để làm rõ sự khác biệt giữa các văn bản nêu trên.

(vii) Từ năm 2008 đến năm 2010, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang ("SBG") đã ký các Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phần diện tích đã được bàn giao tại Khu công nghiệp Quang Châu với tổng diện tích 3.577.274 m<sup>2</sup>. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, SBG vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư lần 2 ngày 12 tháng 9 năm 2014, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Quang Châu của SBG được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất 6 năm trong thời gian xây dựng đã được phê duyệt và 7 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

*Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản:*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các hợp đồng liên quan đến việc xây dựng phát triển khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu, khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, khu đô thị Phúc Ninh, khu đô thị Quang Châu và khu công nghiệp Trảng Duệ và Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát với tổng giá trị khoảng 547 tỷ VND.

**31.2 Các khoản bảo lãnh và bảo đảm**

Tập đoàn có các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh và bảo đảm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

*Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với PVCombank*

Như được trình bày tại Thuyết minh số 9, Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị Trảng Cát ("Công ty Trảng Cát") đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản để thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba số 0202/2013/HĐTC-DN ngày 22 tháng 2 năm 2013 với PVCombank. Theo đó, Công ty Trảng Cát đã đồng ý thế chấp một phần các tài sản liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ Trảng Cát ("Dự án") để đảm bảo cho các khoản vay, ủy thác đầu tư, trái phiếu doanh nghiệp và các nghĩa vụ theo hợp đồng của Tập đoàn, các công ty con, công ty liên kết và của một số công ty khác.

*Các cam kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*

Theo thỏa thuận điều chỉnh kỳ hạn trái phiếu ký ngày 27 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Công ty cam kết hỗ trợ Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn và một nhóm các công ty khác trong việc thanh toán các nghĩa vụ tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

**31.3 Các tranh chấp**

*Tranh chấp với Công ty Cổ phần Viễn thông Không dây VTC*

Theo Bản thỏa thuận Hợp tác kinh doanh ngày 12 tháng 2 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Không dây VTC ("VTC") và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025781 ngày 11 tháng 7 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel là 160 tỷ VND, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 19.2% so với vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chuyển 30.700.200.000 VND (bằng 19.2% vốn điều lệ) cho Công ty Cổ phần Truyền thông Hữu Nghị (đơn vị được ủy quyền theo công văn của VTC) vào ngày 10 tháng 3 năm 2008 để Công ty Cổ phần Viễn thông Không dây VTC mua tài sản cho Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel. Tuy nhiên, Công ty VTC hiện chưa hoàn thành mua sắm tài sản này cho Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel như cam kết. Do đó, Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với VTC để thu hồi khoản đầu tư này. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã đánh giá và tin tưởng rằng khoản đầu tư này sẽ được thu hồi từ VTC và do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel nêu trên.

**32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>					
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(i)	710.633.068.859	(47.483.747.000)	663.149.321.859
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	-	62.790.991.000	62.790.991.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	804.193.496.379	2.952.300.357	807.145.796.736
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(xv)	8.655.756.459	36.436.381.793	45.092.138.252
155	Tài sản ngắn hạn khác	(iv)	36.553.395.357	(36.553.395.357)	-
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	(v)	461.757.137.391	3.608.451.000	465.365.588.391
215	Phải thu về cho vay dài hạn	(vi)	-	14.685.400.000	14.685.400.000
216	Phải thu dài hạn khác	(vii)	86.000.000	269.000.000	355.000.000
261	Chi phí trả trước dài hạn	(viii)	22.320.584.962	(19.206.419.828)	3.114.165.134
268	Tài sản dài hạn khác	(ix)	60.000.000	(60.000.000)	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(xv)	167.497.455.109	(64.828.024.019)	102.669.431.090
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	(x)	1.423.632.597.189	(628.089.032.022)	795.543.565.167
319	Phải trả ngắn hạn khác	(xi)	240.332.662.093	(36.109.929.631)	204.222.732.462
320	Vay ngắn hạn	(xii)	998.211.850.989	18.609.929.631	1.016.821.780.620
333	Chi phí phải trả dài hạn	(x)	-	628.089.032.022	628.089.032.022
337	Phải trả dài hạn khác	(xiii)	45.522.272.982	16.548.032.038	62.070.305.020
338	Vay dài hạn	(xiv)	3.054.659.342.874	(905.047.419.829)	2.149.611.923.045
339	Trái phiếu chuyển đổi	(xiv)	-	886.050.000.000	886.050.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(xv)	383.592.201.739	101.264.405.812	484.856.607.551
342	Dự phòng phải trả dài hạn	(xvi)	-	951.967.962	951.967.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>					
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(xvii)	49.327.460.540	(47.405.127.196)	1.922.333.344
51	(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(xvii)	(20.024.502.799)	47.405.127.196	27.380.624.397
52					
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>					
09	Giảm các khoản phải thu	(xviii)	(130.370.442.798)	(6.429.366.844)	(136.799.809.642)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(xviii)	(12.085.312.450)	6.429.366.844	(5.655.945.606)
(i)	Phân loại từ phải thu ngắn hạn của khách hàng sang phải thu dài hạn của khách hàng và phân loại lại khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kumba tiền chuyển nhượng cổ phần từ phải thu ngắn hạn khách hàng sang phải thu ngắn hạn khác;				
(ii)	Đây là khoản Tập đoàn cho các đơn vị khác vay, được phân loại lại từ chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác sang phải thu từ cho vay ngắn hạn;				
(iii)	Đây là khoản phải thu ngắn hạn khác được phân loại sang chỉ tiêu phải thu từ cho vay, nhận phân loại lại khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kumba tiền chuyển nhượng cổ phần từ phải thu ngắn hạn khách hàng sang phải thu ngắn hạn khác;				
(iv)	Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên và đặt cọc được phân loại sang phải thu ngắn hạn khác;				
(v)	Đây là khoản phải thu dài hạn tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc, được phân loại lại sang chỉ tiêu phải thu dài hạn của khách hàng;				
(vi)	Đây là các khoản Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc cho các đơn vị khác vay, phân loại lại từ chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác sang phải thu từ cho vay dài hạn;				
(vii)	Đây là khoản đặt cọc được phân loại lại từ chỉ tiêu tài sản dài hạn khác sang phải thu dài hạn khác;				
(viii)	Đây là khoản chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi và bảo lãnh trái phiếu, được phân loại sang điều chỉnh giảm chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính dài hạn;				
(ix)	Đây là khoản đặt cọc cho nhà cung cấp, được phân loại lại từ tài sản dài hạn khác sang phải thu dài hạn khác;				
(x)	Đây là khoản trích trước chi phí lãi vay trái phiếu 003,004,006 và 007, phân loại lại từ chi phí phải trả ngắn hạn sang chi phí phải trả dài hạn sau khi đạt được thỏa thuận với các trái chủ;				
(xi)	Đây là khoản vay không lãi được phân loại lại sang chỉ tiêu vay và nợ tài chính ngắn hạn;				
(xii)	Đây là khoản Tập đoàn vay không lãi từ các đơn vị khác, được phân loại lại từ chỉ tiêu phải trả ngắn hạn khác sang chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn;				
(xiii)	Đây là khoản nhận đặt cọc được phân loại lại từ chỉ tiêu phải trả ngắn hạn khác;				
(xiv)	Đây là khoản gốc vay và chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi, được phân loại sang chỉ tiêu trái phiếu chuyển đổi;				
(xv)	Đây là khoản phân loại lại nghĩa vụ nợ thuế phải trả nhà nước, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và thuế và các khoản phải thu nhà nước tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng, công ty con;				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG** (tiếp theo)

- (xvi) Đây là khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được phân loại sang dự phòng phải trả dài hạn;
- (xvii) Đây là khoản phân loại giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; và
- (xviii) Đây là khoản đặt cọc phân loại lại từ chỉ tiêu "chi khác cho hoạt động kinh doanh" sang chỉ tiêu "giảm các khoản phải thu".

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

  
Lưu Phương Mai  
Người lập

  
Phạm Phúc Hiếu  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thị Thu Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016